TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3-CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 456/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 26-6-2026
V/v tranh chấp: "Thực hiện nghĩa vụ hoàn trả về thanh toán nợ trong thời kỳ hôn nhân và thay đổi phương thức cấp dưỡng nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hải

Ông Nguyễn Văn Sang

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trần Khánh Duy- Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3- Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3- Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Quốc- Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2026, tại Toà án nhân dân khu vực 3- Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 415/2026/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2026, về tranh chấp "Thực hiện nghĩa vụ hoàn trả về thanh toán nợ trong thời kỳ hôn nhân và thay đổi phương thức cấp dưỡng nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 903/2026/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà **Phạm Thị Ngọc B;** sinh năm: 1977. ĐKTT: 635/19 đường C phường T, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở hiện nay A N, khu vực Y, phường C, thành phố Cần Thơ. Điện thoại: 0939490338. Có mặt.

* ***Bị đơn***: Ông **Đặng Hoàng M**; sinh năm: 1982. ĐKTT: 110A Nguyễn Thị T, khu vực Y, phường C, thành phố Cần Thơ. Nơi ở hiện nay: số B T, phường C, thành phố Cần Thơ (Cửa hàng S). Điện thoại: 0909896838 – 0847511118.

Đại diện uỷ quyền: Bà Lê Kim T1; sinh năm: 1991; Bà Võ Thị Bích T2 (Điện thoại: 0376.108.518) sinh năm: 1997; ông Nguyễn Trọng N; sinh năm: 1998. Địa chỉ: A T, phường T, thành phố Cần Thơ (Văn bản uỷ quyền ngày 16/4/2026). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/01/2026 của nguyên đơn là bà Phạm Thị Ngọc B và quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà, nguyên đơn cho rằng:

Bà và ông Đặng Hoàng M kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có 01 con chung là Đặng Phạm Hoàng H (nam), sinh ngày 01/5/2009. Do mâu thuẫn vợ chồng nên bà và ông M đã được Toà án giải quyết ly hôn theo Bản án số 83/2024/HNST ngày 30/8/2024 của Toà án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ và Bản án số 06/2025/HNGĐ-PT ngày 17/3/2025 Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ về tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

Tại khoản 4 về phần nợ chung tại quyết định của Bản án số 06/2025/HNGĐ-PT ngày 17/3/2025 đã tuyên:

"*Ghi nhận bà Phạm Thị Ngọc B đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc tổng cộng 800.000.000 đồng (T3 trăm triệu đồng) cho Ngân hàng N1 – Chi nhánh C (Phòng G). Đối với khoản nợ và lãi đã thanh toán cho Ngân hàng sau khi xét xử sơ thẩm mà bà B trả thay cho ông M trước đây chưa được khấu trừ trong vụ án này, bà B có quyền yêu cầu ông M hoàn lại hoặc khởi kiện thành vụ kiện khác*".

Do đây là khoản nợ của Hợp đồng tín dụng số 1890-LAV-202300407 trong thời kỳ hôn nhân của bà với ông M vay ngày 28/3/2023 của Ngân hàng N1, số tiền vay 800.000.000 đồng; bà đã tất toán số tiền vay này vào ngày 19/11/2024. Về phần lãi suất Ngân hàng, bà đã trả thay cho ông M từ tháng 01/2024 đến tháng 11/2024; tổng cộng là 66.649.734 đồng (Sáu mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi chín ngàn bảy trăm ba mươi bốn đồng). Do đó, bà yêu cầu ông M phải hoàn trả lại cho bà số tiền tổng cộng là 866.649.734 đồng (T3 trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi chín ngàn bảy trăm ba mươi bốn đồng).

Tại khoản 2 về phần con chung tại quyết định của Bản án số 06/2025/HNGĐ-PT ngày 17/3/2025 đã tuyên:

"Giao con chung tên Đặng Phạm Hoàng H cho bà Phạm Thị Ngọc B trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc ông Đặng Hoàng M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.205.000 đồng/tháng (Hai triệu hai trăm lẻ năm ngìn đồng trên tháng) đến khi cháu Đặng Phạm Hoàng H đủ 18 tuổi".

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần tài sản chung thì bà được sở hữu căn nhà và quyền sử dụng đất tại thửa 1308, tờ bản đồ số 01 toạ lạc tại khu vực Y, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ (nay là phường C, thành phố Cần Thơ) và bà phải hoàn trả lại tổng giá trị phần đất cho ông Đặng Hoàng M là 967.840.000 đồng (Chín trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng).

Sau khi án có hiệu lực, ông Đặng Hoàng M có đơn yêu cầu bà thi hành án nghĩa vụ hoàn trả giá trị phần đất cho ông M số tiền 967.840.000 đồng, Cơ quan Thi hành hành án khu vực 3- Cần Thơ có mời bà lên để làm việc; tuy nhiên, bà không biết về việc bà phải làm đơn yêu cầu thi hành án đối với phần nghĩa vụ yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con nên bà chưa thực hiện yêu cầu thi hành án.

Tại giai đoạn thi hành án, ông M đã đồng ý sẽ cấp dưỡng nuôi con 2.205.000 đồng/tháng và giao tiền cấp dưỡng 01 lần cho đến khi con đủ 18 tuổi. Vậy tính từ thời điểm ông M nộp đơn khởi kiện là tháng 02/2024 đến ngày 01/5/2027 là 40 tháng x 2.205.000 đồng/tháng = 88.200.000 đồng. Do đó, nay bà khởi kiện yêu cầu ông M phải cấp dưỡng nuôi con 01 lần cho đến khi con đủ 18 tuổi, tổng cộng là 88.200.000 đồng.

Tổng cộng, bà yêu cầu ông Đặng Hoàng M phải trả cho bà số tiền **954.849.734** đồng (Chín trăm năm mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi chín ngàn bảy trăm ba mươi bốn đồng) để bà xin cấn trừ vào số tiền bà phải hoàn trả cho ông M theo quyết định của Bản án số 06/2025/HNGĐ-PT ngày 17/3/2025; trong đó, gồm:

1/ Khoản nợ chung tại vay tại Ngân hàng N1 – Chi nhánh C (Phòng G) mà bà đã trả thay cho ông M: 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng).

2/ Phần lãi suất Ngân hàng mà bà đã trả thay cho ông M từ tháng 01/2024 đến tháng 11/2024; tổng cộng là 66.649.734 đồng (Sáu mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi chín ngàn bảy trăm ba mươi bốn đồng).

3/ Tiền cấp dưỡng nuôi con là Phạm Hoàng H sinh ngày 01/5/2009 đến năm 18 tuổi, mỗi tháng 2.205.000 đồng x 40 tháng = 88.200.000 đồng (T3 mươi tám triệu hai trăm ngàn đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện bị đơn cho rằng:

Bị đơn là ông Đặng Hoàng M không đồng ý với tất cả yêu cầu khởi kiện của bà B vì các yêu cầu này đã được giải quyết trong Bản án số 06/2025/HNGĐ-PT ngày 17/3/2025 của Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ và tại Công văn số 442/CV.TATP ngày 24/6/2025 về phúc đáp liên quan Bản án phúc thẩm số 06/2025/HNGĐ-PT ngày 17/3/2025 đã có giải thích rõ về phần khoản nợ chung vay tại Ngân hàng N1 và tiền lãi mà bà B đã trả thay ông M đã được giải quyết, khấu trừ với phần tài sản mà ông M được hưởng nên bà B chỉ còn phải trả cho ông M số tiền là 967.840.000 đồng (Chín trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng). Vì vậy, yêu cầu của bà B đã được giải quyết tại Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về phần cấp dưỡng nuôi con đã được giải quyết tại Bản án số 06/2025/HNGĐ-PT ngày 17/3/2025 của Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ. Phần cấp dưỡng này thì bà B có quyền yêu cầu thi hành án theo quy định pháp luật và phía ông M sẽ thực hiện theo bản án đã tuyên.

Tại phiên toà: đại diện bị đơn cho rằng: đối với yêu cầu của nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông M phải cấp dưỡng nuôi con một lần thì ông M không đồng ý. Đối với số tiền gốc 800.000.000 đồng vay ngân hàng đã được giải quyết, khấu trừ về phần tài sản ông M được hưởng. Nay ông M chỉ đồng ý trả cho bà B số tiền lãi, tổng cộng là 66.649.734 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án:

Xét thấy, theo Bản án số 06/2025/HNGĐ-PT ngày 17/3/2025 của Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ và tại Công văn số 442/CV.TATP ngày 24/6/2025 về phúc đáp liên quan Bản án phúc thẩm số 06/2025/HNGĐ-PT ngày 17/3/2025, về phần khoản nợ chung của bà B, ông M vay tại Ngân hàng N1 800.000.000 đồng mà bà B đã trả thay ông M đã được giải quyết, khấu trừ với phần tài sản mà ông M được hưởng, bản án phúc thẩm đã có hiệu lực nên đề nghị đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện này của bà B.

Đối với yêu cầu của bà B về việc yêu cầu ông M phải hoàn trả số tiền lãi 66.649.734 đồng; tại phiên toà, đại diện bị đơn cũng đồng ý trả số tiền này cho nguyên đơn. Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu thay đổi phương thức cấp dưỡng nuôi con; xét thấy, tại bản án sơ thẩm và bản án phúc thẩm tuyên buộc ông M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.205.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, không buộc ông M phải cấp dưỡng một lần. Nay bà B khởi kiện yêu cầu ông M cấp dưỡng một lần, phía ông M không đồng ý nên yêu cầu khởi kiện của bà B là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét mối quan hệ pháp luật: đây là vụ kiện tranh chấp hôn nhân gia đình về "Thực hiện nghĩa vụ hoàn trả về thanh toán nợ trong thời kỳ hôn nhân và thay đổi phương thức cấp dưỡng nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 5, 8 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét nguyên đơn yêu cầu thay đổi phương thức cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con 01 lần đến khi con đủ 18 tuổi;

tổng số tiền: 88.200.000 đồng (T3 mươi tám triệu hai trăm ngàn đồng); Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo Bản án số 83/2024/HNST ngày 30/8/2024 của Toà án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ: do các bên không thoả thuận được mức cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đã căn cứ vào quy định pháp luật, tuyên "*Buộc ông Đặng Hoàng M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.205.000 đồng/tháng (Hai triệu hai trăm lẻ năm ngìn đồng trên tháng) đến khi cháu Đặng Phạm Hoàng H đủ 18 tuổi*". Ông M có kháng cáo về phần cấp dưỡng nhưng tại phiên toà phúc thẩm đã rút yêu cầu kháng cáo đối với mức cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuyên về phần cấp dưỡng y theo như bản án sơ thẩm.

Do đó, bản án phúc thẩm có hiệu lực thì bà B có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án, yêu cầu ông M thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Nếu sau khi bản án có hiệu lực, mức cấp dưỡng không còn phù hợp thì bà B có quyền khởi kiện để yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng. Tuy nhiên, nay bà B không khởi kiện để yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, chỉ khởi kiện yêu cầu thay đổi phương thức cấp dưỡng nuôi con một lần đến khi con đủ 18 tuổi.

Theo quy định tại Điều 117 Luật Hôn nhân gia đình thì các bên có thể thoả thuận thay đổi phương thức cấp dưỡng, tạm ngừng cấp dưỡng trong trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng lâm vào tình trạng khó khăn về kinh tế mà không có khả năng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng; nếu không thoả thuận được thì yêu cầu Toà án giải quyết. Nay ông M là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng ông M không có yêu cầu thay đổi phương thức cấp dưỡng, còn bà B yêu cầu thay đổi phương thức cấp dưỡng một lần nhưng không được ông M đồng ý; hơn nữa, việc cấp dưỡng nuôi con được tính hàng tháng còn ý nghĩa là khi đối tượng cấp dưỡng còn sống và còn trong thời hạn cấp dưỡng thì người có nghĩa vụ cấp dưỡng mới phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nên yêu cầu của bà B là không có cơ sở, không được chấp nhận.

Vì vậy, bà B cần tiến hành thực hiện thủ tục yêu cầu ông M thi hành án phần cấp dưỡng nuôi con.

[2.2] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 800.000.000 đồng là số tiền nguyên đơn đã tất toán hợp đồng tín dụng vào ngày 19/11/2024 của khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân giữa bà B với ông M đã vay của Ngân hàng N1 ngày 28/3/2023, số tiền vay là 800.000.000 đồng; Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại Công văn số 442/CV.TATP ngày 24/6/2025 về phúc đáp liên quan Bản án phúc thẩm số 06/2025/HNGĐ-PT ngày 17/3/2025 đã có giải thích rõ về phần khoản nợ chung vay tại Ngân hàng N1 mà bà B đã trả thay ông M đã được giải quyết, khấu trừ với phần tài sản mà ông M được hưởng, cụ thể:

Tại mục 3. Về tài sản chung:

“Ghi nhận bị đơn là bà Phạm Thị Ngọc B đồng ý trả ½ giá trị tài sản trên phần đất tranh chấp gồm giá trị nhà và giá trị công trình phụ cho nguyên đơn ông Đặng Hoàng M, tương ứng với số tiền 243.098.200 đồng. Ông Đặng Hoàng M đồng ý khấu trừ số tiền này cho bà Phạm Thị Ngọc B do bà B đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ trả nợ gốc tổng cộng 800.000.000 đồng cho Ngân hàng N1 – Chi nhánh C (Phòng G) nên bà Phạm Thị Ngọc B không phải thanh toán số tiền 243.098.200 đồng cho ông M”.

Do trước ngày xét xử sơ thẩm (30/8/2024): bà B đã đứng ra trả nợ gốc và lãi, chỉ còn nợ lại ngân hàng nợ gốc 600.000.000 đồng. Tại phiên toà sơ thẩm ngày 30/8/2024, bà B đồng ý tiếp tục một mình đứng ra trả hết toàn bộ số nợ 600.000.000 đồng còn lại thay cho ông M nên ông M đồng ý khấu trừ số tiền 243.098.200 đồng là số tiền ông M được chia ½ giá trị tài sản trên thửa đất 1308, bà B không phải giao cho ông M số tiền này.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà B tiếp tục trả toàn bộ số nợ còn lại theo yêu cầu của Ngân hàng N1, số nợ gốc là 600.000.000 đồng và lãi phát sinh cho đến thời điểm bà B trả nợ.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông M kháng cáo có yêu cầu chia giá trị quyền sử dụng đất và được cấp phúc thẩm chấp nhận. Theo đó, tại phần nhận định của Bản án phúc thẩm có ghi: “Theo kết quả định giá, tổng giá trị quyền sử dụng đất là 3.919.600.000 đồng, bà B được nhận 60% giá trị tài sản chung tương đương 2.351.760.000 đồng. Ông M được nhận giá trị khối tài sản chung là 1.567.840.000 đồng. Tổng giá trị tài sản ông M được hưởng là 1.567.840.000 đồng – tiền còn nợ gốc ngân hàng 600.000.000 đồng = 967.840.000 đồng”.

Do đó, tại phần Quyết định của Bản án phúc thẩm đã tuyên “Giao cho bị đơn Phạm Thị Ngọc B được sở hữu toàn bộ nhà và đất nêu trên. Bà B phải hoàn trả lại tổng giá trị phần đất cho nguyên đơn Đặng Hoàng M số tiền 967.840.000 đồng”.

Như vậy, đối với số tiền nợ gốc 800.000.000 đồng của Ngân hàng N1 đã được Hội đồng xét xử sơ thẩm khấu trừ số tiền 243.098.200 đồng (trong đó nợ gốc là 200.000.000 đồng) đối với phần tài sản trên đất thửa 1308 theo Bản án số 83/2024/HNST ngày 30/8/2024 và cấp phúc thẩm đã khấu trừ số tiền gốc 600.000.000 đồng bà B đã thanh toán nợ gốc cho ngân hàng vào ngày 19/11/2024 để tất toán nợ hợp đồng tín dụng (sau khi xét xử sơ thẩm) vào giá trị quyền sử dụng đất thửa 1308 tờ bản đồ số 01, toạ lạc tại khu vực Y, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ (cũ) của ông M được hưởng 40% giá trị nên việc bà B khởi kiện yêu cầu ông M phải hoàn trả lại cho bà số tiền đã trả thay nợ gốc 800.000.000 đồng là yêu cầu đã được giải quyết bằng Bản án số 06/2025/HNGĐ-PT ngày 17/3/2025 của Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ, bản án đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử cần đình chỉ giải quyết yêu cầu này theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 217, điểm c khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền lãi Ngân hàng mà nguyên đơn đã trả thay cho ông M; tổng cộng là 66.649.734 đồng (Sáu mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi chín ngàn bảy trăm ba mươi bốn đồng); Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại Bản án số 06/2025/HNGĐ-PT ngày 17/3/2025 của Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ chỉ mới khấu trừ phần nợ gốc còn lại 600.000.000 đồng, chưa xem xét khấu trừ phần tiền lãi bà B đã trả cho ngân hàng khi tất toán hợp đồng vào ngày 19/11/2024; như vậy, bà B có quyền khởi kiện yêu cầu ông M phải trả số tiền lãi từ sau ngày bà B tất toán số tiền gốc 200.000.000 đồng vào ngày 28/7/2023 đến ngày 19/11/2024; tổng cộng: 73.446.994 đồng.

Tuy nhiên, do đơn khởi kiện bà B chỉ yêu cầu ông M phải trả lại cho bà B số tiền lãi tổng cộng là 66.649.734 đồng nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét trong phạm vi khởi kiện của nguyên đơn và thấy rằng nguyên đơn yêu cầu ông M phải hoàn trả tiền lãi 66.649.734 đồng là có cơ sở và phù hợp phạm vi khởi kiện và tại phiên toà phía bị đơn cũng đồng ý trả lại cho bà B số tiền 66.649.734 đồng; vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

Do đó, cần buộc ông M phải trả lại cho bà B số tiền lãi tổng cộng là 66.649.734 đồng mà bà B đã thanh toán của Hợp đồng tín dụng số 1890-LAV-202300407 ngày 28/3/2023 do ông Đặng Hoàng M và bà Phạm Thị Ngọc B vay của Ngân hàng N1.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: theo quy định tại Điều 12, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Do yêu cầu của nguyên đơn về phần yêu cầu ông M phải trả lại cho bà B số tiền lãi 66.649.734 đồng được chấp nhận nên ông M phải chịu án phí: 3.332.500 đồng.

Đối với yêu cầu thay đổi phương thức cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn không được chấp nhận, nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 5, 8 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 217, điểm c khoản 1 Điều 192, Điều 147, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 37, 117 Luật Hôn nhân gia đình.

- Điều 257, 357 Bộ luật Dân sự.

- Điều 12, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn là bà Phạm Thị Ngọc B về việc yêu cầu ông Đặng Hoàng M thay đổi phương thức cấp dưỡng nuôi con Đặng Phạm Hoàng H theo phương thức cấp dưỡng một lần đến khi con đủ 18 tuổi.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Phạm Thị Ngọc B;

Buộc ông Đặng Hoàng M phải trả lại cho bà Phạm Thị Ngọc B số tiền tổng cộng là 66.649.734 đồng (Sáu mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi chín ngàn bảy trăm ba mươi bốn đồng) là tiền lãi mà bà B đã thanh toán cho ngân hàng của Hợp đồng tín dụng số 1890-LAV-202300407 ngày 28/3/2023 do ông Đặng Hoàng M và bà Phạm Thị Ngọc B vay của Ngân hàng N1.

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, ông Đặng Hoàng M còn phải chịu tiền lãi chậm trả cho đến khi thi hành án xong, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả trong giai đoạn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn là bà Phạm Thị Ngọc B về việc yêu cầu ông Đặng Hoàng M phải trả lại cho bà Phạm Thị Ngọc B số tiền 800.000.000 đồng (T3 trăm triệu đồng) là số tiền bà B đã thanh toán nợ gốc cho ngân hàng của Hợp đồng tín dụng số 1890-LAV-202300407 ngày 28/3/2023 do ông Đặng Hoàng M và bà Phạm Thị Ngọc B vay của Ngân hàng N1.

4. **Về án phí dân sự sơ thẩm**:

Ông Đặng Hoàng M phải chịu án phí 3.332.500 đồng (Ba triệu ba trăm ba mươi hai ngàn năm trăm đồng).

Bà Phạm Thị Ngọc B được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 20.645.000 đồng theo biên lai số 0005488 ngày 26/3/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3- Cần Thơ.

5. **Về quyền kháng cáo**: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

6. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND khu vực 3- Cần Thơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Phòng T.H.A DS khu vực 3- Cần Thơ;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

Nguyễn Thị Thùy Trang